

TTT(2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 490/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Mở rộng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: 30.13.12026

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1243/NQ-UBTVQH15 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 85/2007/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2007 về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An; số 21/2010/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2010 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An; số 67/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2014 về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An; số 10/2015/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2015 về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 21/2010/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 67/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 77/BC-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mở rộng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An. Khu kinh tế sau khi được mở rộng có diện tích 104.269,94 ha, gồm 93.319,94 ha đất liền và 10.950 ha mặt biển, cụ thể như sau:

1. Ranh giới

Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An bao gồm địa giới hành chính của 25 xã, phường, bao gồm 2 Khu vực:

a) Khu vực 1:

- Có diện tích: 63.206,18 ha đất liền và 6.500 ha mặt biển.
- Ranh giới địa lý phần đất liền bao gồm địa giới hành chính 20 xã, phường: 18 xã: Nghi Lộc, Đông Lộc, Trung Lộc, Thần Lĩnh, Hải Lộc, Phúc Lộc, Văn Kiều, Tân Châu, An Châu, Minh Châu, Hưng Nguyên, Yên Trung, Bạch Hà, Văn Hiến, Thuần Trung, Nam Đàn, Đại Huệ, Kim Liên và 2 phường: Thành Vinh, Cửa Lò.
- Ranh giới cụ thể:
 - + Phía Bắc giáp: các xã Vân Du, Vân Tụ, Hợp Minh, Diễn Châu;
 - + Phía Nam giáp: xã Nam Đàn, xã Vạn An, Hùng Tiến, Kim Liên;
 - + Phía Đông giáp: Biển Đông;
 - + Phía Tây giáp: các xã Văn Hiến, Thuần Trung, Đại Đồng.
- Phần diện tích mặt nước được giới hạn bởi các điểm (Hệ tọa độ nhà nước VN2000-KKT 104 độ 45', múi chiều 3 độ) sau:

TT	Tên điểm	x	y
1	A1	2098204.636	592215.620
2	A2	2098204.636	592941.401
3	A3	2091107.171	594264.702
4	A4	2089395.814	599324.693
5	A5	2087713.388	601379.573
6	A6	2087713.388	608945.975
7	A7	2081875.807	608945.975
8	A8	2081875.807	602237.203

b) Khu vực 2:

- Có diện tích: 30.113,76 ha đất liền và 4.450 ha mặt biển.
- Ranh giới địa lý phần đất liền bao gồm 5 xã, phường: 3 xã, gồm: Nghĩa Thọ, Quỳnh Thắng, Quỳnh Tam và 02 phường: Hoàng Mai, Tân Mai.

- Ranh giới cụ thể:
- + Phía Bắc giáp: Phường Tĩnh Gia, xã Như Thanh - tỉnh Thanh Hóa;
- + Phía Nam giáp: các xã: Quỳnh Tam, Quỳnh Sơn, Quỳnh Văn.
- + Phía Đông giáp: Biển Đông và các xã cũ Mai Hùng, Quỳnh Phương (nay thuộc phường Quỳnh Mai).
- + Phía Tây giáp: Các xã: Nghĩa Thọ, Nghĩa Đàn, Đông Hiếu.
- Phần diện tích mặt nước được giới hạn bởi các điểm (Hệ tọa độ nhà nước VN2000-KKT 104 độ 45', múi chiều 3 độ) sau:

TT	Tên điểm	x	y
1	B1	2133638.377	610760.554
2	B2	2133638.377	613576.676
3	B3	2125849.528	613576.676
4	B4	2125849.528	605336.888
5	B5	2127407.781	605336.888

2. Mục tiêu phát triển, tính chất của Khu kinh tế

a) Mục tiêu phát triển

- Xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An thành một khu vực phát triển năng động, một trọng điểm phát triển của vùng kinh tế Bắc Trung Bộ, tạo động lực mạnh để thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An và các tỉnh lân cận phát triển nhanh, thu hẹp khoảng cách với các vùng kinh tế trọng điểm cả nước.

- Xây dựng và phát triển Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An thành một khu vực phát triển công nghiệp tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực gắn với việc xây dựng và khai thác có hiệu quả Cảng biển Cửa Lò, Cảng biển Đông Hội. Với trọng tâm các ngành công nghiệp cơ bản như: công nghiệp điện tử; công nghiệp ô tô; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp năng lượng tái tạo; công nghiệp luyện cán thép cao cấp; cơ khí chế tạo; sửa chữa và đóng mới tàu biển; công nghiệp điện; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất hàng tiêu dùng; chế biến nông, lâm, ngư nghiệp chất lượng cao phục vụ xuất khẩu,...

- Quy hoạch, xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có cảng nước sâu, các loại hình dịch vụ logistics và vận tải, thương mại, công nghệ thông tin, du lịch, giáo dục, y tế,... chất lượng cao, kết nối thuận lợi với thị trường trong nước và quốc tế, góp phần đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa và nâng tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh.

- Triển khai một số công trình hạ tầng kỹ thuật - kinh tế - xã hội quan trọng. Tạo nhiều việc làm, thúc đẩy đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; từng bước hình thành Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực.

- Hoàn thiện môi trường đầu tư và kinh doanh đặc biệt thuận lợi, cơ chế, chính sách thông thoáng; tranh thủ cơ hội triển khai một số công trình hạ tầng kỹ thuật kinh tế - xã hội quan trọng; thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, sản xuất, kinh doanh tại Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An. Đầu tư phát triển đồng bộ và hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng trong các khu đô thị sinh thái, thân thiện môi trường.

- Bảo đảm môi trường sinh thái, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh trên địa bàn Khu kinh tế và khu vực phụ cận.

b) Tính chất của Khu kinh tế

- Là Khu kinh tế trọng điểm, đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là công nghiệp cơ bản gắn liền với việc xây dựng và khai thác có hiệu quả khu bến Cảng Cửa Lò; khu vực Hoàng Mai - Đông Hồi phát triển các ngành công nghiệp có tính chất động lực gắn liền với khu bến Cảng Đông Hồi.

- Là trung tâm kinh tế, đầu mối về giao thông vận tải, giao thương và giao lưu quốc tế quan trọng của vùng Bắc Trung Bộ, cửa ngõ quan trọng của vùng Trung, Thượng Lào, Đông Bắc Thái Lan vào miền Trung và Việt Nam.

- Là cực tăng trưởng đối trọng, liên kết chặt chẽ và toàn diện với sự phát triển chung của đô thị Vinh, khu vực Hoàng Mai, Cửa Lò và vùng phụ cận.

- Là Khu kinh tế tổng hợp, có hạ tầng hiện đại, đồng bộ làm động lực phát triển cho vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung. Có liên kết hỗ trợ và chia sẻ với Khu kinh tế Nghi Sơn, Khu kinh tế Vũng Áng và các vùng phụ cận.

- Là khu vực phát triển hài hòa các mục tiêu kinh tế, văn hóa, môi trường và an ninh quốc phòng.

Điều 2. Hoạt động, cơ chế, chính sách và tổ chức quản lý đối với Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An

Hoạt động, cơ chế, chính sách và tổ chức quản lý đối với Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An thực hiện theo pháp luật đúng quy định về khu công nghiệp, khu kinh tế, pháp luật về đầu tư và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 3. Lộ trình và kế hoạch phát triển

1. Giai đoạn 2024 - 2027: Hoàn thành Quy hoạch chung và quy hoạch phân khu 1/2.000 đối với các phân khu quan trọng; xây dựng một số cơ sở hạ tầng lớn; xúc tiến, thu hút các dự án đầu tư trong và ngoài nước.

2. Giai đoạn 2028 - 2030: Vận hành hiệu quả các công trình, dự án đã xây dựng; tiếp tục hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng đô thị, công nghiệp, dịch vụ của Khu kinh tế; tiếp tục thu hút đầu tư các dự án vào Khu kinh tế trong giai đoạn sau năm 2030; nghiên cứu triển khai một số mô hình khu công nghiệp, dự án sản xuất mới trong Khu kinh tế.

3. Giai đoạn 2031 - 2050: Hoàn thiện hệ thống kết cấu kinh tế, xã hội của Khu kinh tế đồng bộ, hiện đại; đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa, hình thành đô thị xanh thông minh, với các dịch vụ chất lượng cao,...

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An

a) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, các nội dung tiếp thu, giải trình liên quan đến Đề án mở rộng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An; tiếp thu đầy đủ ý kiến các bộ, cơ quan có liên quan trong quá trình quy hoạch, đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế.

b) Chỉ đạo các cơ quan liên quan rà soát, đảm bảo tích hợp đầy đủ phương án phát triển Khu kinh tế vào Quy hoạch tỉnh Nghệ An được điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch; đồng thời, chỉ đạo rà soát chặt chẽ việc sử dụng đất, bảo đảm phù hợp với các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đảm bảo, việc triển khai quy hoạch, đầu tư, xây dựng các công trình, dự án trong khu vực mở rộng Khu kinh tế chỉ được thực hiện sau khi tỉnh Nghệ An đã hoàn thành điều chỉnh quy hoạch tỉnh, trong đó đã thực hiện bổ sung, điều chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với việc mở rộng Khu kinh tế, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quyết định phê duyệt mở rộng Khu kinh tế được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

c) Đảm bảo tính khả thi của phương án huy động vốn và phân kỳ đầu tư; xây dựng danh mục cụ thể các dự án ưu tiên đầu tư, đặc biệt các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong Khu kinh tế, giao thông kết nối trong và ngoài Khu kinh tế;

d) Đảm bảo hiệu quả - kinh tế xã hội của Khu kinh tế theo hướng phát triển bền vững thông qua giải quyết vấn đề an sinh xã hội, chuyển đổi việc làm cho người dân bị thu hồi đất. Cụ thể hóa các giải pháp, chỉ tiêu về bảo vệ môi trường trong phương án bố trí không gian phát triển của Khu kinh tế khi triển khai lập quy hoạch chung xây dựng và lập đề xuất dự án đầu tư cụ thể trong Khu kinh tế. Tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật về lâm nghiệp, đặc biệt đối với phương án bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trong khu vực mở rộng của Khu kinh tế. Giám sát chặt chẽ hoạt động đầu tư xây dựng, xả thải vào môi trường trong Khu kinh tế chuyên biệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái.

đ) Tổ chức lập quy hoạch chung Khu kinh tế trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức lập và phê duyệt quy hoạch phân khu chức năng, đảm bảo kế thừa các quy hoạch đang triển khai thực hiện; bố trí quỹ đất xây dựng nhà ở, các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân, người lao động tại các khu công nghiệp, khu đô thị; không ảnh hưởng đến các di tích lịch sử, văn hóa và hoạt động tôn giáo của người dân.

e) Thu hút đầu tư vào Khu kinh tế theo đúng định hướng Khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa chức năng, gắn với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh Nghệ An, phát triển một số ngành sản xuất công nghiệp với quy mô lớn theo định hướng thành trung tâm công nghiệp, du lịch, thương mại, cảng biển của vùng Bắc Trung Bộ; thực hiện đầu tư xây dựng các khu chức năng, các dự án, công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, khu tái định cư, nhà ở xã hội theo quy hoạch chung Khu kinh tế được phê duyệt; đảm bảo nguồn lực để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong Khu kinh tế, tạo sự liên kết vùng, liên kết các Khu kinh tế khu vực ven biển Bắc Trung Bộ;

g) Thực hiện các giải pháp bảo đảm quốc phòng, an ninh trong Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An.

2. Giao các bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, phối hợp, hỗ trợ Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An trong việc thực hiện Đề án mở rộng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định số 21/2010/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2010, số 67/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2014 và số 10/2015/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b). 70

